NHÓM TRỤ LỚN KÌM HÃM THỊ TRƯỜNG, TRONG KHI ĐỘ RỘNG CẢI THIỆN HƠN Ở NHÓM MIDCAP

30/10/2025

VN-Index	**1685.83 (0.32%)**
940 Tr. cổ phiếu	25876.8 Tỷ VND (-13.20%)
HNX-Index	**268.04 (0.47%)**
92 Tr. cổ phiếu	1819.3 Tỷ VND (-26.09%)
UPCOM-Index	**112.64 (1.51%)**
49 Tr. cổ phiếu	727.8 Tỷ VND (7.08%)
VN30F1M	**1947.00 (0.31%)**
275,168 HD	OI: 33,933 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số

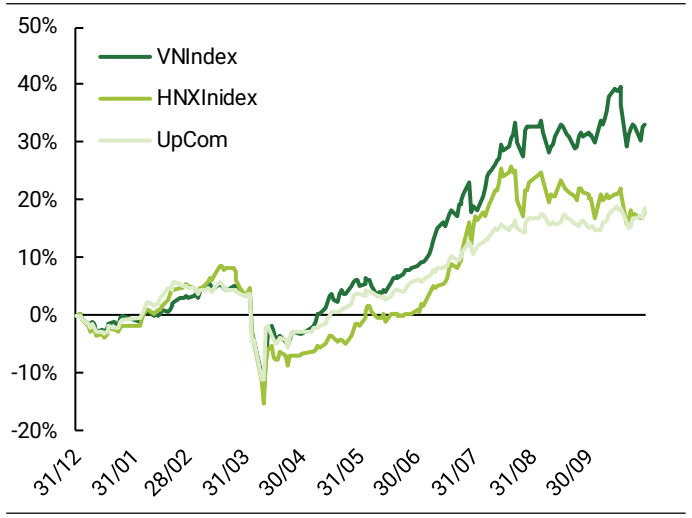

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên tại 1685.8, tăng nhẹ 5.3 điểm (+0.32%). Thanh khoản giảm nhẹ với độ rộng nghiêng về bên mua. VN30, HNX-Index cũng giằng co trở lại về quanh tham chiếu.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup gây áp lực lên đà giảm, tuy nhiên, sắc xanh trở lại ở đa số các nhóm ngành. Đặc biệt với những cổ phiếu bị chiết khấu mạnh thời gian qua.

  Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: OCB (+4.2%), HDB (+3.7%), MSB (+2.9%) l Thực phẩm và đồ uống: HAG (+6.9%), DBC (+3.7%), VHC (+3.7%) l Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GMD (+4.1%), APH (+5.1%) l Tiện ích: NT2 (+6.9%), BWE (+3.7%), POW (+3.3%) l Tài nguyên Cơ bản: SMC (+6.9%), DHC (+3.5%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VIC (-3.7%), VHM (-3.0%), VRE (-2.3%) l Dịch vụ tài chính: DSE (-2.1%), FTS (-1.8%), VIX (-1.6%) l Bán lẻ: FRT (-2.0%), DGW (-0.6%), MWG (-0.1%).

  Tác động chỉ số: Chiều tăng | VCB, BID, HDB, VJC, CTG - Chiều giảm | VIC, VHM, VRE, HVN, VPL.

  Khối ngoại Bán ròng hơn 1400 tỷ, tập trung nhiều ở ACB, MBB, VIX, SSI, trong khi mua ròng HDB, FPT, GEX.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji, tiếp tục cho thấy trạng thái giằng co khi tiếp cận biên trên trong khung dao động 1620 - 1690. Áp lực bán tại cản còn chi phối. Chỉ số khả năng vẫn lưỡng lự trong vùng dao động này mang tính chất tích lũy. Đà tăng được xác nhận khi thị trường bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1710 điểm, trong khi vùng hỗ trợ mạnh vẫn được giữ ở biên dưới, ứng với khu vực 1600 - 1620 điểm. Dù vậy, dòng tiền hoạt động tích cực ở nhóm Midcap với độ rộng cải thiện hơn là điểm sáng.
- **Đối với HNX-Index,** chỉ số cũng chịu áp lực bán tại cản 270 với mẫu hình nến Shooting star. Vận động khả năng tiếp tục củng cố trong khung dao động 264 – 268. Mục tiêu kháng cự cao hơn là ngưỡng 280 trong khi hỗ trợ gần là mốc 260.
- **Chiến lược chung:** Chiều mua có thể cân nhắc trở lại với tỷ trọng vừa phải. Dòng tiền cải thiện ở nhóm MidCap sẽ mang lại một số cơ hội giao dịch tốt dù thị trường có thể tiếp tục đi ngang. NĐT nên chú ý đến các cổ phiếu đã công bố KQKD vẫn duy trì được tăng trưởng, cùng với tín hiệu thoát khỏi pha điều chỉnh sẽ là cơ sở cho điểm giải ngân tiềm năng. Các ngành nổi bật: Tiện ích, Bán lẻ, Xuất khẩu.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua FRT, CTR (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 10)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,685.8	0.3%	0.4%	1.2%	25,876.8	-13.2%	-19.6%	-4.5%	940.4	-4.3%	-5.8%	0.7%
HNX-Index	268.0	0.5%	-0.2%	-2.6%	1,819.3	-26.1%	-36.6%	0.8%	91.8	-18.3%	-28.1%	15.1%
UPCOM-Index	112.6	1.5%	2.6%	3.1%	727.8	7.1%	23.2%	38.4%	49.0	19.1%	39.3%	49.3%
VN30	1,949.8	0.0%	1.0%	4.7%	14,218.0	-17.9%	-25.5%	7.3%	422.7	1.5%	-4.9%	16.0%
VNMID	2,401.0	1.1%	0.2%	-3.5%	9,265.2	-2.8%	-10.8%	-18.6%	336.6	-4.5%	-11.0%	-19.7%
VNSML	1,544.0	1.4%	1.9%	-3.6%	1,819.8	12.9%	41.9%	10.5%	114.0	8.7%	19.2%	7.7%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	647.4	1.5%	-0.64%	-2.9%	8,263.6	15.2%	13.7%	-10.4%	341.1	21.2%	19.4%	-2.0%
Bất động sản	644.8	-2.2%	2.8%	16.8%	4,064.9	-39.8%	-35.8%	-42.1%	158.5	-29.8%	-19.9%	-30.5%
Dịch vụ tài chính	336.4	0.1%	-4.3%	-6.9%	2,945.4	-27.6%	-41.1%	-43.9%	103.2	-27.5%	-37.8%	-38.7%
Công nghiệp	283.0	1.0%	-0.6%	12.0%	2,143.1	-7.4%	8.6%	-0.5%	52.1	-10.0%	19.5%	14.3%
Tài nguyên cơ bản	539.3	1.6%	0.3%	-6.2%	1,427.3	48.0%	38.3%	-23.7%	58.7	39.6%	30.0%	-23.1%
Xây dựng - Vật Liệu	195.1	1.4%	1.0%	-4.2%	1,249.2	-12.8%	-22.1%	-36.8%	45.3	-20.2%	-26.5%	-42.9%
Thực phẩm	544.9	0.9%	1.4%	-1.9%	1,709.8	38.4%	12.4%	-25.1%	51.5	60.9%	41.9%	-1.4%
Bán Lẻ	1,527.0	-0.4%	2.6%	8.2%	639.0	-23.7%	-36.4%	-37.5%	8.2	-25.6%	-37.8%	-40.8%
Công nghệ	538.1	-0.3%	9.3%	4.3%	992.7	-64.7%	-41.4%	-18.1%	11.4	-62.3%	-40.7%	-23.9%
Hóa chất	169.0	1.7%	6.2%	-3.8%	653.9	57.6%	51.6%	30.4%	20.9	76.9%	70.3%	32.2%
Tiện ích	650.6	1.2%	4.4%	-3.4%	453.6	164.1%	111.3%	47.8%	20.2	151.5%	106.2%	44.1%
Dầu khí	75.5	4.0%	0.2%	-4.5%	189.2	-53.3%	-40.8%	-51.1%	9.0	-43.6%	-26.7%	-39.1%
Dược phẩm	430.5	0.0%	2.5%	-0.3%	38.9	-3.3%	-14.8%	-40.3%	2.4	63.5%	26.7%	-18.1%
Bảo hiểm	84.9	0.9%	2.4%	-9.7%	40.2	77.0%	61.8%	17.5%	1.5	63.8%	49.0%	31.8%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,685.8	0.3%	33.1%	16.2x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,316	0.1%	-6.0%	16.7x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,166	0.9%	15.3%	19.9x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,054	-0.1%	-4.2%	16.1x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,964	0.2%	-8.7%	10.1x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,016	0.7%	19.8%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,346	-	31.3%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	51,308	2.2%	28.6%	22.4x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,891	0.2%	17.2%	28.7x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	47,706	0.3%	12.1%	23.6x	5.0x
FTSE 100	Anh	9,751	0.6%	19.3%	14.7x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,729	0.4%	17.0%	17.5x	2.4x
DXY		99	0.03%	-8.9%		
USDVND		26,333	0.05%	3.3%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	0.3%	-4.9%	-13.4%	-9.2%
Dầu WTI	-1.5%	-4.8%	-15.8%	-10.1%
Khí gas	-6.2%	-1.1%	-11.1%	37.7%
Than cốc (*)	0.0%	7.2%	-7.5%	-17.7%
Thép HRC (*)	0.7%	-1.2%	-3.6%	-6.9%
PVC (*)	-2.7%	-2.9%	-7.9%	-15.3%
Phân Urea (*)	0.0%	-1.9%	7.1%	7.6%
Cao su thiên nhiên	1.1%	2.0%	-10.6%	-8.8%
Bông Cotton	1.1%	3.5%	-4.6%	-7.5%
Đường	-1.1%	-10.7%	-25.8%	-35.2%
World Container Index	3.5%	-0.8%	-54.1%	-43.6%
Baltic Dirty tanker Index	5.1%	12.6%	38.9%	29.8%
Vàng	1.1%	5.0%	53.4%	45.1%
Bạc	3.0%	2.8%	66.9%	40.0%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

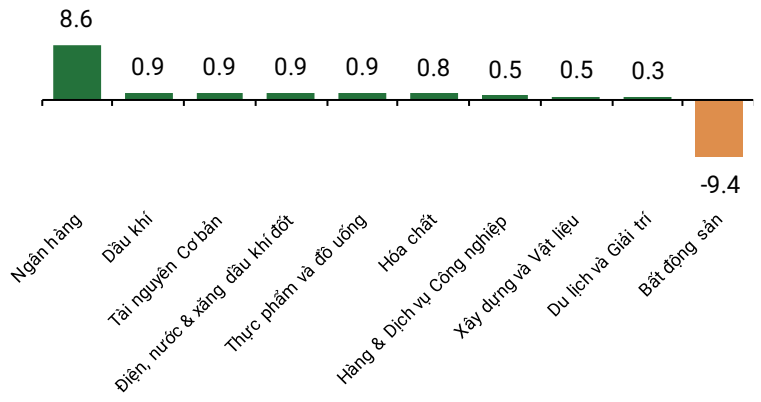

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

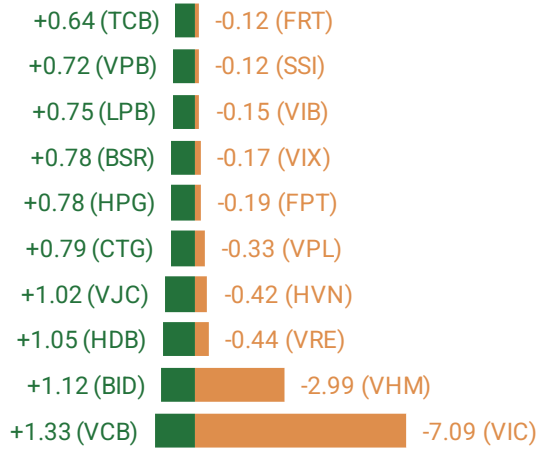

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

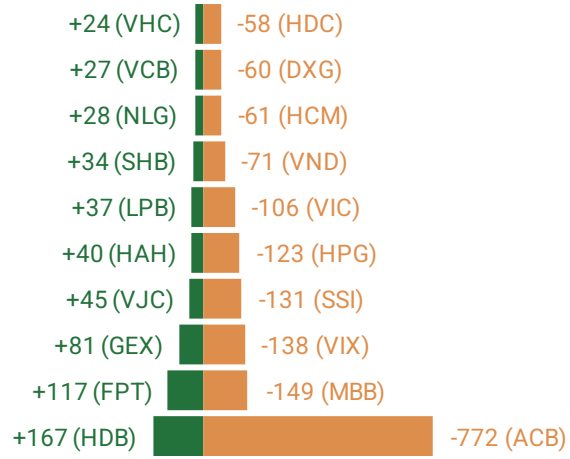

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

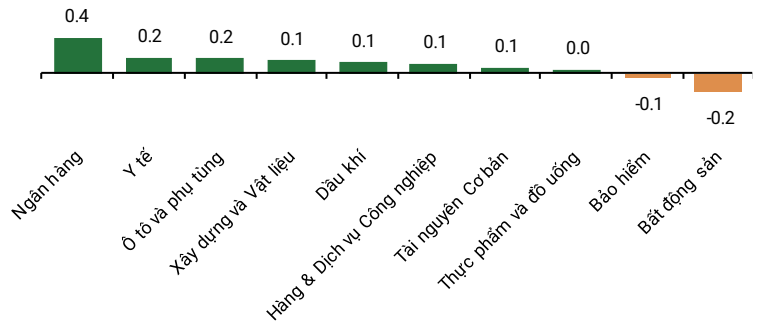

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

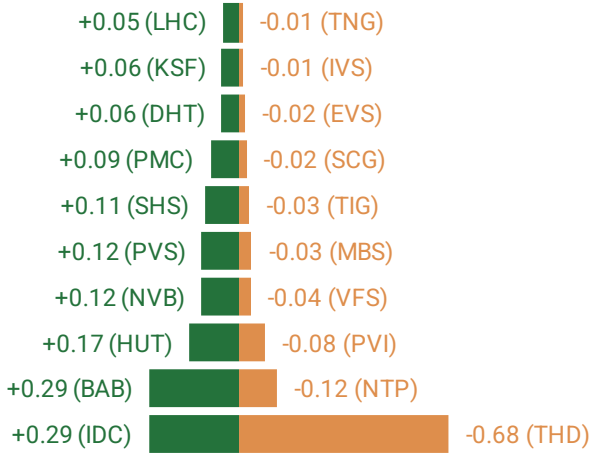

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

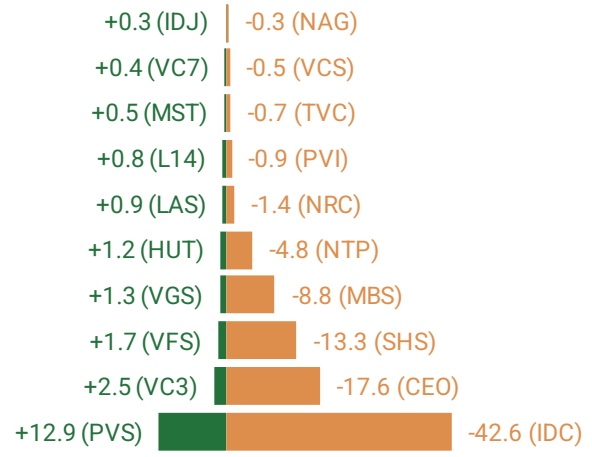

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

	SHB	HPG	HDB	FPT	VIX
%DoD	2.8%	1.7%	3.7%	-0.5%	-1.6%
Giá trị	1,968	1,075	1,050	955	848

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

	ACB	VSC	VJC	GEX	HPG
%DoD	0.0%	0.4%	4.1%	-0.2%	1.7%
Giá trị	763	161	140	122	120

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

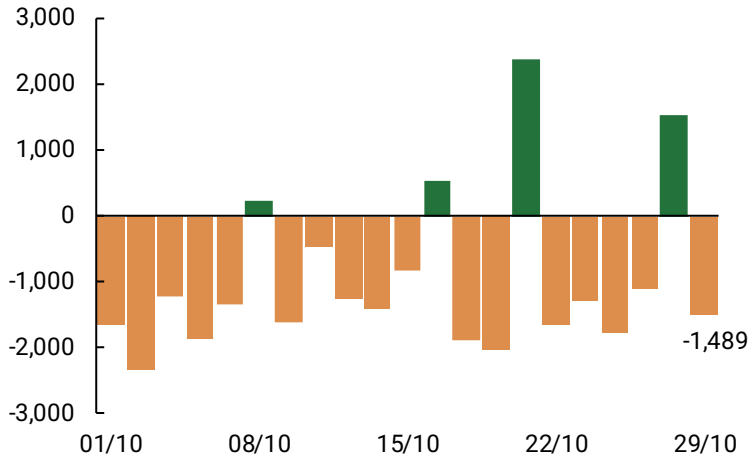

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

	SHS	CEO	IDC	PVS	MBS
%DoD	0.4%	0.0%	2.7%	1.3%	-0.7%
Giá trị	296	289	126	113	84

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX

	HUT	DNP	SHS	CEO	NAG
%DoD	1.8%	0.0%	0.4%	0.0%	-0.8%
Giá trị	242	134	70	5	2

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)

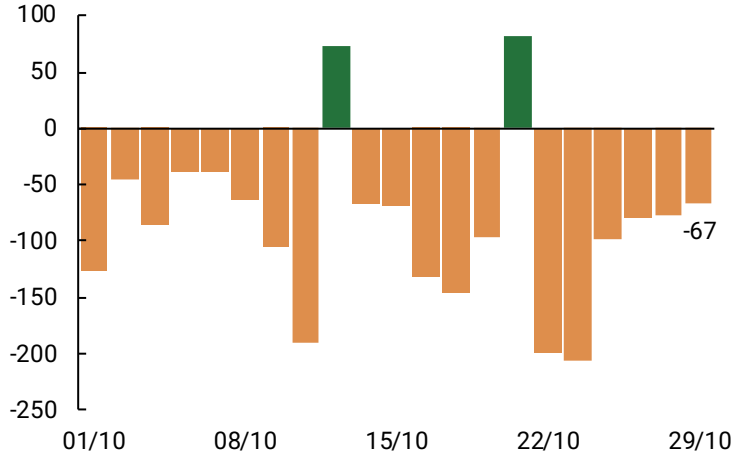

Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 – 1620.
- ✓ Kháng cự: 1690 – 1710.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1600 - 1700.

Kịch bản: Khu vực biên trên 1690 tiếp tục cho thấy áp lực cản chi phối quanh đây. Chỉ số nhìn chung vẫn rung lắc trong khung dao động 1620 – 1690 với kháng cự ở biên trên và hỗ trợ nằm ở biên dưới, ứng với khu vực 1600 - 1620. Thanh khoản thấp hàm ý xu hướng nghiêng về lưỡng lự. **Đà tăng kỳ vọng trở lại khi chỉ số bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1710.** Ngược lại, trạng thái giằng co trong khung tích lũy có lẽ vẫn sẽ tiếp diễn.

Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1900.
- ✓ Kháng cự: 1950 - 1960.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1850 - 1950.

➔ Chỉ số tiếp tục gặp khó khăn khi vượt lên ngưỡng 1950 cho thấy áp lực bán tại cản còn chi phối. Dù vậy, thanh khoản thấp cho thấy trạng thái nghiêng về giằng co hơn là tín hiệu tiêu cực. **Nếu lực cầu không được duy trì tốt, giá có thể hạ nhiệt kiểm định lại khu vực cận 1900 điểm lần nữa, trên cơ sở củng cố thêm đà phục hồi.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	**FRT**	**BUY**	**Current price**		**145.0**	**P/E (x)**	45.8
Exchange	HOSE		Action price	30/10	**145.0**	P/B (x)	7.6
Sector	Specialty Retailers		Target price		**162**	EPS	3162.8
			Cut loss		**137**	ROE	24.9%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium

TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gía hạ nhiệt về vùng hỗ trợ 142 – 145 mang tính chất củng cố lại đà.
- Thanh khoản gia tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- Chỉ báo MACD cắt lên trở lại đường tín hiệu, cùng với RSI cũng cải thiện lên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
- MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.

➔ Xu hướng tăng kỳ vọng tiếp tục với mục tiêu hướng về đỉnh cũ.

➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	**CTR**	**BUY**	**Current price**		**91.8**	**P/E (x)**	18.6
Exchange	HOSE		Action price	30/10	**91.8**	P/B (x)	5.1
Sector	Heavy Construction		Target price		**102**	EPS	4929.9
			Cut loss		**85**	ROE	29.9%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium

TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gía vá lại khoảng đáy 88 – 90 từng bị sập gãy trước đây với phản ứng kiểm định tốt.
- Tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn vẫn giữ trên ½ nên tăng ngày 24/10 cho thấy trạng thái thiết lập nền giá cao hơn.
- Thanh khoản gia tăng hàm ý dòng tiền quay trở lại.
- Chỉ báo MACD cắt lên trở lại đường tín hiệu, cùng với RSI cũng cải thiện lên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng cải thiện.

➔ Xu hướng tăng kỳ vọng tiếp tục với mục tiêu hướng về đỉnh cũ.

➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**FRT**	Mua	30/10/2025	145.0	145.0	0.0%	162.0	11.7%	137	-5.5%	Điều chỉnh về hỗ trợ
2	**CTR**	Mua	30/10/2025	91.8	91.8	0.0%	102.0	11.1%	85	-7.4%	Tín hiệu tạo đáy

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**NTP**	Mua	17/10/2025	-	64.90	65.1	**-0.3%**	72.0	10.6%	61.0	-6.3%	
2	**NT2**	Mua	27/10/2025	-	24.90	23.0	**8.3%**	26.0	13.0%	21.5	-6.5%	
3	**BMI**	Mua	29/10/2025	-	19.85	19.60	**1.3%**	22.0	12.2%	18.5	-5.6%	
4	**TRC**	Mua	29/10/2025	-	74.00	71.0	**4.2%**	80.0	12.7%	67.0	-5.6%	

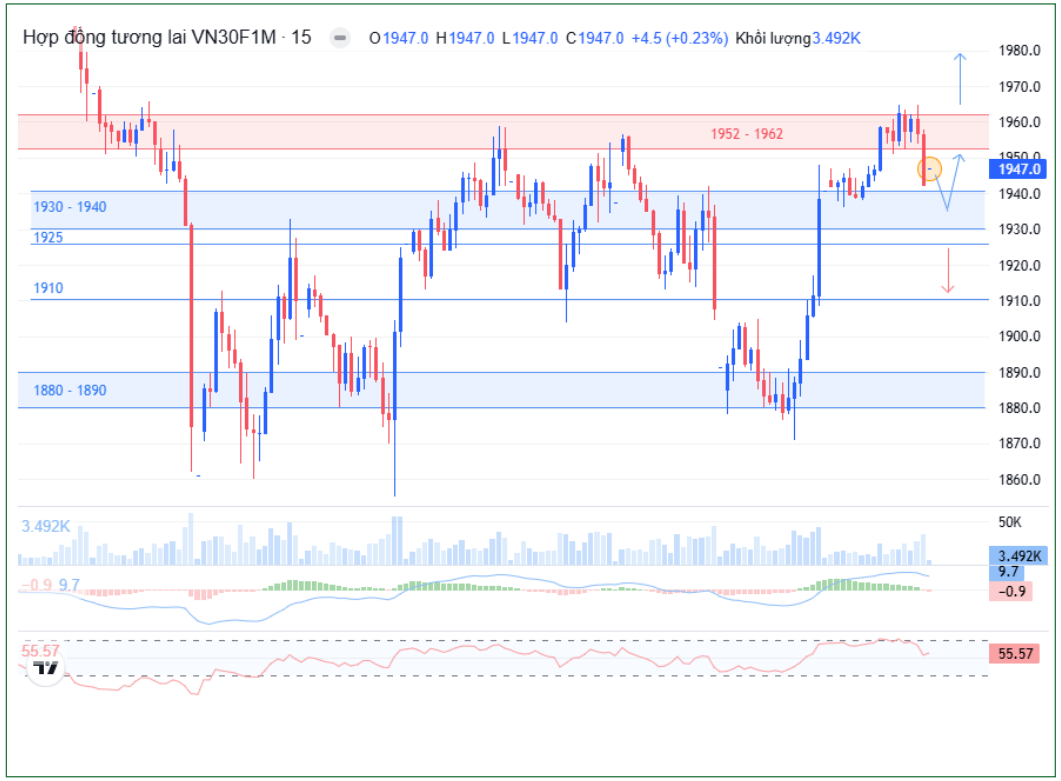

Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1947, tăng 6.1 điểm (+0.3%). Thanh khoản giảm và thấp hơn bình quân 20 phiên. Khối ngoại Mua ròng 701HĐ, tương ứng hơn 138 tỷ đồng. Vận động nghiêng về phục hồi trong phần lớn thời gian giao dịch, giá có lúc vượt trên ngưỡng 1960 nhưng đã hạ nhiệt trở lại về cuối phiên.
- **Ở đồ thị 15p**, chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu, cùng với mẫu hình nến giảm Marubozu cho thấy áp lực điều chỉnh còn chi phối. Gía khả năng hạ nhiệt để củng cố lại đà phục hồi. Vị thế Long có thể chờ ở hỗ trợ 1934 – 1942 hoặc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1962. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1924.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1852.1, tăng 5.4 điểm (+0.3%). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 82 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1840 - 1850, trong khi kháng cự trong chiều hồi phục là ngưỡng 1870 - 1880.

Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.938	1.952	1.930	14 : 8
Long	> 1.962	1.976	1.954	14 : 8
Short	< 1.924	1.910	1.932	14 : 8

Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,934.0	-1.0	21	101	1,962.2	-28.2	18/06/2026	232
41I1G3000	1,929.1	-0.9	72	268	1,957.3	-28.2	19/03/2026	141
VN30F2512	1,944.9	10.5	774	2,933	1,952.4	-7.5	18/12/2025	50
41I1FB000	1,947.0	6.1	275,168	33,933	1,950.9	-3.9	20/11/2025	22
41I2FB000	1,852.1	5.4	82	84	1,860.2	-8.1	20/11/2025	22

Khối lượng mở (Open interest)

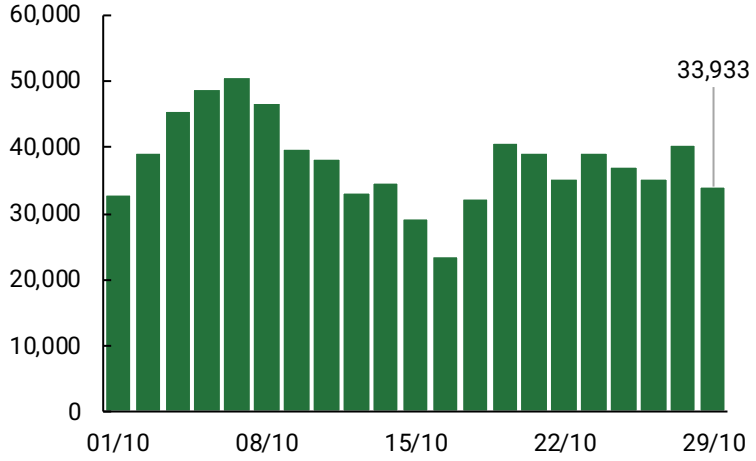

Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)

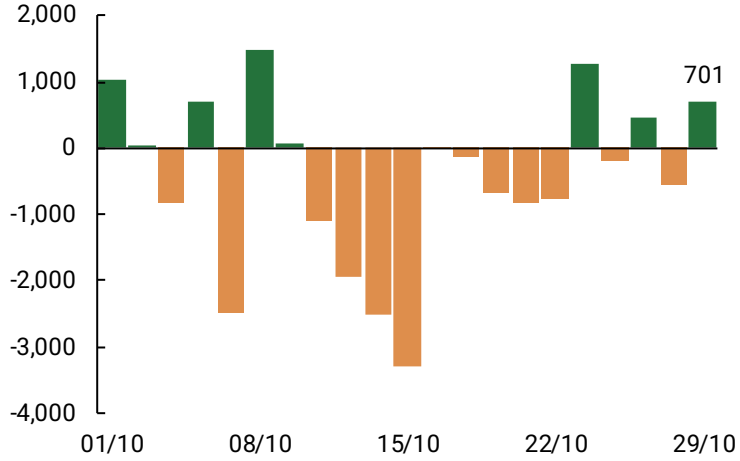

Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)

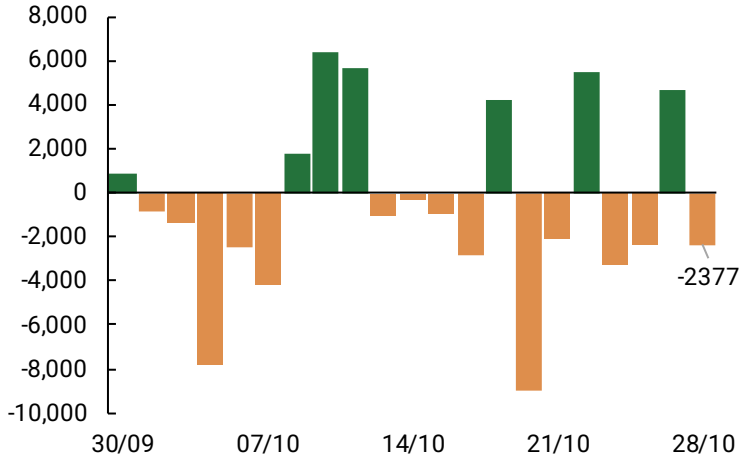

Basis hợp đồng tương lai

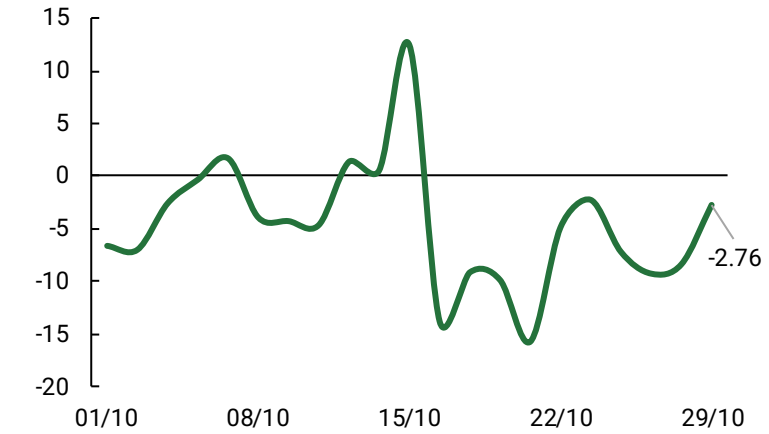

Đường cong hợp đồng tương lai

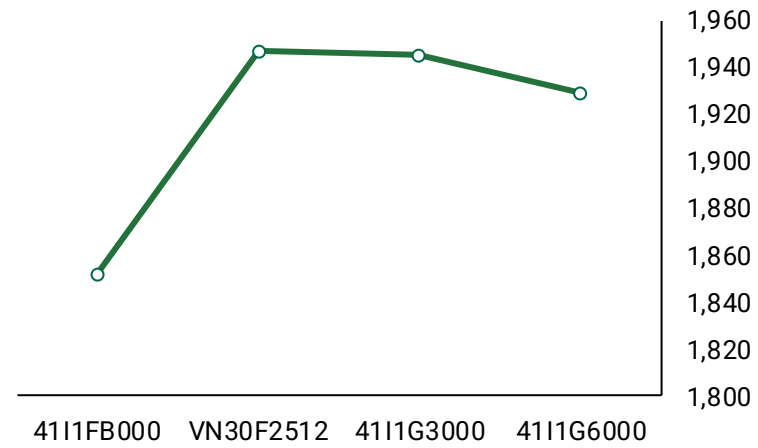

VN30F1M - VN30F2M

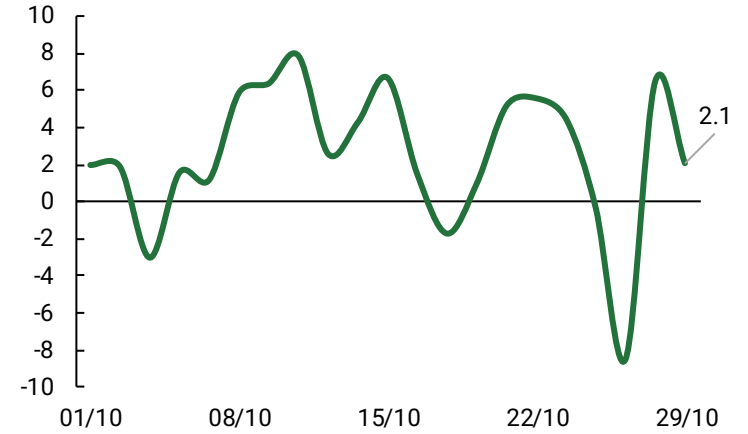

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,100	65,400	-10.5%	Bán
BCM	66,700	74,500	11.7%	Tăng tỷ trọng
CTD	99,800	92,400	-7.4%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,450	27,200	11.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	52,800	68,000	28.8%	Mua
DDV	32,314	35,500	9.9%	Nắm giữ
DGC	94,400	102,300	8.4%	Nắm giữ
DGW	39,800	48,000	20.6%	Mua
DPR	38,800	41,500	7.0%	Nắm giữ
DRI	11,643	18,000	54.6%	Mua
EVF	13,050	14,400	10.3%	Tăng tỷ trọng
FRT	145,000	135,800	-6.3%	Giảm tỷ trọng
GMD	69,200	72,700	5.1%	Nắm giữ
HAH	62,000	67,600	9.0%	Nắm giữ
HDG	30,900	33,800	9.4%	Nắm giữ
HHV	14,900	12,600	-15.4%	Bán
HPG	27,250	30,900	13.4%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
IMP	48,800	55,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
MBB	24,350	22,700	-6.8%	Giảm tỷ trọng
MSH	36,000	47,100	30.8%	Mua
MWG	84,100	92,500	10.0%	Nắm giữ
NLG	38,450	39,950	3.9%	Nắm giữ
PHR	55,900	72,800	30.2%	Mua
PNJ	95,500	95,400	-0.1%	Giảm tỷ trọng
PVT	17,650	18,900	7.1%	Nắm giữ
SAB	45,750	59,900	30.9%	Mua
TLG	54,400	59,700	9.7%	Nắm giữ
TCB	36,400	35,650	-2.1%	Giảm tỷ trọng
TCM	28,650	38,400	34.0%	Mua
TRC	74,000	94,500	37.8%	Mua
VCG	26,250	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	58,300	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	57,500	66,650	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	25,000	17,900	-39.4%	Bán

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

01/10	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/10	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Qúy III và 9 tháng
07/10	Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
15/10	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
16/10	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
20/10	Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
30/10	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành EU - ECB công bố lãi suất Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
31/10	Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

THÔNG TIN VĨ MÔ

Tổng Bí thư Tô Lâm dự tọa đàm về công nghệ AI và chip bán dẫn tại Anh: Trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland từ ngày 28 - 30/10, Tổng Bí thư Tô Lâm và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã dự buổi tọa đàm với các nhà chiến lược về trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ hàng đầu của Anh cũng như thế giới.

TP HCM dự kiến triển khai hai dự án lấn biển tại Côn Đảo: TP HCM tính triển khai hai dự án lấn biển tại khu Đông Nam Suối Ớt - Cỏ Ống và trung tâm Côn Đảo, nhằm mở rộng không gian đô thị, phát triển hạ tầng và du lịch địa phương. Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo sẽ ưu tiên phát triển các dự án hạ tầng khung với nguồn lực đầu tư ước tính khoảng 2,5 tỷ USD (tương đương 66.155 tỷ đồng).

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HPG - Hòa Phát lãi hơn 4.000 tỷ trong Q3/2025, tăng 33% so với cùng kỳ, đã hoàn thành toàn bộ Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2: Quý 3/2025, Hòa Phát ghi nhận doanh thu 36,794 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 4,012 tỷ đồng, tăng lần lượt 7% và 33% so với cùng kỳ 2024. Lũy kế 9 tháng đạt doanh thu 111,031 tỷ đồng và lợi nhuận 11,626 tỷ đồng, tăng 5% và 26%. Công trình Khu liên hợp gang thép Dung Quất 2 hoàn thành. Sản xuất thép thô Q3 tăng 14% so quý trước, 35% so cùng kỳ, nâng công suất lên 7,9 triệu tấn 9 tháng, tăng 23%. Hòa Phát tập trung phát triển thép chất lượng cao và mở rộng dự án nhà máy thép ray, hướng tới năm 2027. Kế hoạch 2025 đặt doanh thu 170,000 tỷ và lãi 15,000 tỷ, hoàn thành 65% doanh thu, 78% lợi nhuận 9 tháng. HPG tiếp tục giữ vị thế nhà sản xuất thép lớn nhất Đông Nam Á.

SSB - SeABank đạt lợi nhuận 6.739 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 2025: Sau 9 tháng đầu năm 2025, SeABank ghi nhận tổng tài sản 380,808 nghìn tỷ đồng, tăng 16.92% so với cuối 2024, hoàn thành 106% kế hoạch năm. Dư nợ cho vay tăng 11.6%, huy động tăng 6.5%, vốn chủ sở hữu tăng hơn 15%, nợ xấu duy trì 1.95%. Thu nhập ngoài lãi tăng gần 134%, tổng thu nhập hoạt động tăng gần 21%. Lợi nhuận trước thuế đạt 6,739 tỷ đồng, tăng 49.5%, hoàn thành 104% kế hoạch. Ngân hàng tập trung quản trị rủi ro, đa dạng hóa sản phẩm và tối ưu hiệu quả vốn, đảm bảo tăng trưởng bền vững.

OCB đạt 1.538 tỷ đồng lợi nhuận quý 3, tăng gấp 3 lần cùng kỳ: Tính đến 30/9/2025, Ngân hàng đạt tổng thu thuần 2,931 tỷ đồng, tăng 27.9%. Lợi nhuận trước thuế quý 3 đạt 1,538 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ; lũy kế 9 tháng lợi nhuận tăng 34.4%. Tín dụng thị trường 1 tăng 12.4%, dư nợ cho vay khách hàng tăng 13.7%, đặc biệt tín dụng SME tăng 10.1%. Tỷ lệ giao dịch trên kênh số đạt gần 98%, số lượng giao dịch OCB OMNI tăng 91%. Tỷ lệ CASA tăng từ 14.9% lên 16%, giúp giảm chi phí vốn. OCB chủ động đa dạng nguồn thu và tăng cường số hóa, đồng thời tập trung phát triển tín dụng xanh và tài chính bền vững theo định hướng Net Zero.

GVR - Lợi nhuận quý 3 tăng gấp đôi: Trong Q3/2025, Tập đoàn ghi nhận doanh thu thuần đạt 9.294 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế đạt gần 2.619 tỷ đồng, lần lượt tăng 20% và 100% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 2.187 tỷ đồng. Luỹ kế 9 tháng, Tập đoàn ghi nhận doanh thu thuần đạt 20.433 tỷ đồng, tăng 20% và đạt 66% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 5.217 tỷ đồng, tăng 93% và đạt 105% kế hoạch năm. Tính đến ngày 30/9/2025, tổng tài sản của GVR đạt 84.839 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,7% so với đầu năm, trong đó tiền và các khoản tương đương tiền đạt 7.488 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801